

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ LỘC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/NQ-HĐND

Lộc Ninh, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách địa phương
và phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025, xã Lộc Ninh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ LỘC NINH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 03 /TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh về việc thông qua dự toán ngân sách địa phương và phân bổ chi ngân sách xã Lộc Ninh năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025.

I. Dự toán thu ngân sách xã năm 2025

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 8.306 triệu đồng

Thu ngân sách địa phương phát sinh trên địa bàn: 8.306 triệu đồng

2. Tổng số thu ngân sách địa phương 465.199 triệu đồng

- Thu cân đối ngân sách địa phương: 465.199 triệu đồng

Trong đó:

+ Thu NSDP được điều tiết: 5.273 triệu đồng

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 418.614 triệu đồng

+ Thu chuyển nguồn 41.312 triệu đồng

II. Dự toán chi ngân sách xã năm 2025 465.199 triệu đồng

Bao gồm:

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 25.830 triệu đồng

Trong đó:

+ Vốn xã giao:	23.087 triệu đồng
+ Vốn chuyển nguồn	2.487 triệu đồng
2. Chi thường xuyên:	431.125 triệu đồng

Bao gồm một số khoản chi chủ yếu như sau:

+ Chi sự nghiệp kinh tế:	22.921 triệu đồng
+ Chi sự nghiệp văn xã:	229.150 triệu đồng
+ Chi Quản lý hành chính, đảng, đoàn thể:	139.413 triệu đồng
+ Chi sự nghiệp môi trường:	2.973 triệu đồng
+ Chi An ninh Quốc phòng:	25.981 triệu đồng
+ Chi chương trình mục tiêu:	4.806 triệu đồng
+ Chi thực hiện cải cách tiền lương:	5.880 triệu đồng
3. Dự phòng ngân sách:	8.500 triệu đồng

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này sau khi có văn bản của tỉnh Đồng Nai quyết định việc áp dụng Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai cho tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh khóa I, kỳ họp thứ 1 thống nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã;
- Các ban, Tổ đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- Ủy viên UBND xã;
- LĐVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Nghĩa



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025 CỦA XÃ LỘC NINH

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh)

Đvt: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN UBND TỈNH GIAO NĂM 2025	DỰ TOÁN UBND XÃ GIAO NĂM 2025	GHI CHÚ
A.	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.306	8.306	
I.	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	8.306	8.306	
*	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	8.306	8.306	
1	Thu thuế từ DNNN địa phương	-	-	
	- Thuế GTGT			
	- Thuế TNDN			
2	Thu thuế CTN-NQD	4.080	4.080	
	- Thuế GTGT	4.080	4.080	
	- Thuế TNDN			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			
	- Thuế tài nguyên			
	- Thu khác ngoài quốc doanh			
3	Lệ phí trước bạ	2.720	2.720	
4	Thuế bảo vệ môi trường			
5	Thu từ quỹ công ích		-	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	418	418	
7	Thuế TNCN			
8	Thu phí, lệ phí	542	542	
9	Thu tiền sử dụng đất			
	* Thu tiền sử dụng đất có mục đích			
	* Thu tiền sử dụng đất đấu giá			
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			
	* Thu tiền thuê đất hàng năm			
	* Thu tiền thuê đất một lần			
11	Thu cấp quyền khai khoán			
12	Thu khác xã	546	546	
	Trong đó thu phạt ATGT			
15	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu			
II.	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN			
	- Các khoản đóng góp			



STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN UBND TỈNH GIAO NĂM 2025	DỰ TOÁN UBND XÃ GIAO NĂM 2025	GHI CHÚ
B.	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	423.887	465.199	
I.	Các khoản thu cân đối NSDP	423.887	465.199	
1	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	5.273	5.273	
	- Các khoản thu hưởng 100%	1.506	1.506	
	- Thu phân chia theo tỷ lệ %	3.767	3.767	
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	418.614	418.614	
	- Bổ sung cân đối	417.614	417.614	
	- Bổ sung có mục tiêu	1.000	1.000	
3	Thu hỗ trợ bù hụt thu			
4	Thu chuyển nguồn		41.312	
5	Nguồn cải cách tiền lương			
II.	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN			
	- Các khoản đóng góp			





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 CỦA XÃ LỘC NINH

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh)

Đvt: triệu đồng

Diễn giải	BC được giao	Dự toán 2025	Ghi chú
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	-	465.199	
A. CHI CÂN ĐỐI NSDP		465.199	
I/ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		25.574	
1, Vốn xã quản lý		23.087	
1.1 XDCB theo phân cấp			
1.2 Chi từ nguồn thu sử dụng đất			
1.3 Vốn có mục tiêu, vốn khác, vốn tỉnh hỗ trợ			
2, Vốn chuyển nguồn		2.487	
2.1. XDCB theo phân cấp			
2.2 Chi từ nguồn thu sử dụng đất			
II/ TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN	65	431.125	
1. CHI AN NINH QUỐC PHÒNG		10.328	
1.1 Công an xã		4.656	
Kinh phí lực lượng an ninh trật tự cơ sở		4.356	
Hoạt động An ninh trật tự, phối hợp tuần tra, hoạt động bảo vệ các ngày lễ lớn, bảo vệ các đoàn lãnh đạo trung ương, quốc tế, kinh phí chuyển hóa địa bàn trọng điểm phút tập ANTT,.....		300	
1.2 Ban Chỉ huy Quân sự xã		1.460	
Phụ cấp ngày công lao động DQTT; Hỗ trợ tiền ăn LLDQ tự vệ; Phụ cấp trách nhiệm DQTV; Phụ cấp đặc thù quân sự; Phụ cấp thâm niên; Kinh phí huấn luyện, tuyển quân, bắn đạn thật, hội thao		1.448	
Chế độ trợ cấp một lần cho Lực lượng dân quân Thường trực của Thị trấn Lộc Ninh (cũ)		12	
1.3 Bổ sung dự toán các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán đã giao, các nhiệm vụ được TT và Ban Thường vụ kết luận		4.211	
2. CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ		10.354	
2.1. Sự nghiệp Nông lâm nghiệp			
2.2 Sự nghiệp Kiến thiết thị chính		3.480	Trung tâm DV tổng hợp
Sự nghiệp kiến thiết thị chính (Điện chiếu sáng)		1.000	
Sự nghiệp kiến thiết thị chính (Điện chiếu sáng)		300	vốn chuyển nguồn
Chăm sóc cây xanh khu TTHC và các công viên trên địa bàn xã Lộc Ninh; Trồng và chăm sóc cây xanh đường Nơ Trang Lơ		2.125	vốn chuyển nguồn
Kinh phí tiền điện chiếu sáng công cộng		54	
2.3 Sự nghiệp giao thông		3.518	
Kinh phí SC đường giao thông Lộc Thuận - Lộc Hiệp		3.141	Phòng Kinh tế
Kinh phí quyết toán các công trình sự nghiệp giao thông		377	Phòng Kinh tế
2.5 Sự nghiệp kinh tế khác		3.356	
Sửa chữa trụ sở sau khi sắp xếp		1.000	Phòng Kinh tế
SC nhà văn hóa ấp 1,4,7 xã Lộc Thái		500	Phòng Kinh tế

Diễn giải	BC được giao	Dự toán 2025	Ghi chú
Mái vòm trường TH Lộc Thái B		256	Phòng Kinh tế
Kinh phí quyết toán, tất toán các công trình vốn sự nghiệp		1.000	Phòng Kinh tế
Lắp đặt hệ thống báo cháy và chữa cháy chợ Lộc Ninh		600	Trung tâm dịch vụ tổng hợp
3. SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		932	Trung tâm dịch vụ tổng hợp
Thu gom vận chuyển rác, trang bị tài sản để bảo vệ môi trường; thuê xe vận chuyển rác		897	
Thu gom vận chuyển rác, trang bị tài sản để bảo vệ môi trường; thuê xe vận chuyển rác		35	vốn chuyển nguồn
4. SỰ NGHIỆP VĂN XÃ	7	101.941	
4.1 Sự nghiệp đào tạo, giáo dục	2	62.225	
4.1.1 Sự nghiệp đào tạo		211	
- Đào tạo, bồi dưỡng CB khối Đảng, Đoàn thể			Văn phòng Đảng ủy
- Đào tạo cán bộ khối QLNN		211	Phòng Văn hóa - Xã hội
4.1.2 Trung Tâm Chính trị	2	1.513	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		145	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		48	
- Kinh phí mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng		443	
- Kinh phí mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng; mua sắm, sửa chữa		876	vốn chuyển nguồn
4.1.3 Chi sự nghiệp Giáo Dục		60.500	Giao UBND xã phân bổ chi tiết
Dự toán giao		59.878	
Vốn chuyển nguồn		622	
4.2 Sự nghiệp văn hóa thông tin	5	3.032	
Trung tâm dịch vụ tổng hợp	5	3.032	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		386	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		129	
- Lắp đặt hệ thống báo cháy và chữa cháy chợ Lộc Ninh		600	
- Thực hiện dọn dẹp, cải tạo, tân trang trong và ngoài khu vực Nhà Văn hóa, Nhà Thiếu nhi,...		500	
- Sự nghiệp phát thanh, truyền hình; đại hội Đảng; sự nghiệp TDTT; Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ UBND giao ngoài định mức; phối hợp các đơn vị, báo đài;...		1.417	vốn chuyển nguồn
4.2 Chi SN Y Tế		14.740	
BHYT cho các đối tượng được Ngân sách nhà nước cấp.		4.126	BHXXH, lệnh chi tiền, giao UBND phân bổ chi tiết
BHYT an toàn khu		10.614	Phòng Văn hóa - xã hội
4.3 Chi Đảm bảo Xã hội		21.945	Phòng Văn hóa - xã hội
Chính sách người có công		473	
Bảo trợ xã hội		4.100	
Chi đảm bảo xã hội		17.372	vốn chuyển nguồn
5. CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	58	85.852	-
5.1 Khối Quản lý nhà nước	26	12.376	
5.1.1. Văn phòng HĐND - UBND	13	6.120	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		1.036	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		345	
- Kinh phí hoạt động không thường xuyên của HĐND, UBND xã; kinh phí tiếp dân, nội chính, tư pháp;...		1.000	
- Kinh phí hoạt động của HĐND xã		500	

Diễn giải	BC được giao	Dự toán 2025	Ghi chú
- Lương, phụ cấp cán bộ không chuyên trách, KCT thôn ấp,...; truy lĩnh		3.210	
- Giải quyết chế độ nghỉ việc một lần cho công chức thị trấn Lộc Ninh (cũ)		28	
5.1.2. Phòng Văn hóa - xã hội	7	2.075	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		581	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		194	
- Kinh phí hoạt động không thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ nội vụ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - khoa học - thông tin, y tế;...		1.000	
- Kinh phí Đại hội thi đua yêu nước		300	
3.1.4. Phòng Kinh tế	6	1.692	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		445	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		148	
- Kinh phí hoạt động không thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ tài chính - kế hoạch, xây dựng - công thương, nông nghiệp - môi trường		1.000	
- Kinh phí hệ thống hạ tầng truyền thông ngành Tài chính		99	
3.1.5 Trung tâm phục vụ HCC	7	2.489	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		518	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		173	
- Kinh phí đầu tư hệ thống mạng LAN		298	
- Công tác tổ chức thực hiện sau sắp xếp bộ máy		500	
- Kinh phí xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính và được cung ứng các dịch vụ công;...		1.000	
5.2 Khối Đảng	19	4.903	
5.2.1 Văn phòng Đảng ủy	9	3.185	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		889	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		296	
- Kinh phí Đại hội Đảng		1.000	
- Kinh phí hoạt động không thường xuyên của Thường trực Đảng ủy; công tác quản trị văn phòng;...		1.000	
5.2.2 Ban Xây dựng Đảng	6	1.029	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		547	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		182	
- Kinh phí hoạt động không thường xuyên về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ; công tác tuyên giáo, dân vận của hệ thống chính trị ở xã;...		300	
3.2.3 Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	4	689	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		367	
- Kinh phí tự chủ hoạt động		122	
- Kinh phí hoạt động không thường xuyên về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng;...		200	
5.3 Cơ quan UBMTTQVN xã	13	2.209	
- Kinh phí tự chủ lương phụ cấp		992	

Diễn giải	BC được giao	Dự toán 2025	Ghi chú
- Kinh phí tự chủ hoạt động		331	
- Kinh phí hoạt động không thường xuyên theo Kế hoạch, Kết luận, chỉ thị của Thường trực, BTV Đảng ủy;...		500	
- Phụ cấp KCT,...		387	
5.4 Nguồn lương, bổ sung dự toán các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán như lương, phụ cấp, các nhiệm vụ được TT và Ban thường vụ kết luận		66.365	Giao UBND xã phân bổ chi tiết
Dự toán giao		62.948	
Chuyển nguồn		3.416	
6. Chi cải cách tiền lương		5.880	vốn chuyển nguồn
7. Chương trình mục tiêu		4.806	Có danh sách kèm theo
Dự toán giao		1.000	
Chuyển nguồn		3.806	
8. Chi chuyển nguồn 13, 14, 15, 17, CTMT			
9. Đã chi cấp xã (cũ)		19.546	
10. Đã chi cấp huyện (cũ)		191.486	
III. DỰ PHÒNG		8.500	
B. Các khoản chi quản lý qua NSNN			
- Các khoản huy động đóng góp			
- Thu phí lệ phí			

5076

TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐÃ CHI CẤP HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh)

Đvt: Đồng

DIỄN GIẢI	Số tiền	Ghi chú
II. Tổng chi thường xuyên	191.486.278.479	
1. An ninh - Quốc phòng	11.182.429.400	
1.1 Chi quốc phòng	10.272.320.000	
1.2 Chi an ninh	910.109.400	
2. Sự nghiệp Văn xã	127.208.907.503	
2.1 Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	58.145.516.374	
Trường mầm non Sao Mai	5.046.559.573	
Trường mẫu giáo Hòa Mi	1.851.537.091	
Trường mẫu giáo Sao Sáng	2.476.204.610	
Trường Tiểu học Lộc Ninh A	4.902.808.583	
Trường Tiểu học Lộc Ninh B	4.302.993.578	
Trường Tiểu học Lộc Thái A	3.457.175.364	
Trường Tiểu học Lộc Thái B	3.302.028.191	
Trường Tiểu học Lộc Thuận B	2.346.425.664	
Trường THCS TT Lộc Ninh	8.068.994.678	
Trường THCS Lộc Thái	4.127.666.667	
Trường TH&THCS Lộc Thuận	5.524.500.109	
Trường PT DTNT - THCS Lộc Ninh	9.546.194.997	
Trung tâm Chính trị	1.013.112.883	
Phòng Giáo dục và Đào tạo	2.090.394.386	
Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức	88.920.000	
2.2 Chi sự nghiệp y tế	48.972.737.253	
Bảo hiểm xã hội	20.294.071.653	
Phòng Nội vụ	28.678.665.600	
2.3 Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	4.429.228.209	
Nhà Thiếu nhi	519.554.435	
Trung tâm Văn hóa	3.909.673.774	
2.6 Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	15.661.425.667	
Phòng LĐ, TB và XH	5.255.048.168	
Phòng Nội vụ	263.324.299	
Văn phòng UBND	10.143.053.200	
3. Sự nghiệp Kinh tế	12.567.450.124	
3.1. Sự nghiệp Nông lâm nghiệp	2.362.343.704	
Hạt Kiểm lâm	2.347.177.182	
Phòng NN và PTNT	15.166.522	
3.2 Sự nghiệp KTTC	3.507.539.885	
Đội quản lý công trình đô thị	3.507.539.885	
3.3 Sự nghiệp giao thông	3.864.944.000	
Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2.083.200.000	
Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị	1.781.744.000	
3.4 Sự nghiệp kinh tế khác	2.832.622.535	
Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2.832.622.535	
4. Sự nghiệp môi trường	2.041.491.452	
Đội quản lý công trình đô thị	1.993.491.452	
Phòng Nông nghiệp và Môi trường	48.000.000	
5. Chi quản lý hành chính	38.486.000.000	



TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐÃ CHI CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh)

Đvt: Đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Thị trấn	Lộc Thái	Lộc Thuận
I	Chi thường xuyên các lĩnh vực	19.546	6.495	6.304	6.747
1	Chi quốc phòng	2.133	471	756	906
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	2.337	1.038	844	455
3	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	15.076	4.986	4.704	5.386



BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh)

Đvt: Đồng

STT	Mã	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh		
		TỔNG CỘNG	4.806.000.000	1.924.000.000	2.882.000.000		
1	00492	Sửa chữa đường Liên xã Lộc Thuận - Lộc Quang (đoạn thuộc địa bàn xã Lộc Ninh)	2.924.000.000	1.924.000.000	1.000.000.000	Phòng Kinh tế	Trong đó: 1.924trđ là vốn chuyển nguồn
2	00492	Xã về đích nông thôn mới kiểu mẫu	1.882.000.000		1.882.000.000	Giao UBND xã phân bổ chi tiết	xã Lộc Thái cũ



DANH SÁCH CHUYỂN NGUỒN THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh)

Đơn vị: Đồng

TRƯỚC SẮP XẾP

STT	Đơn vị	Chương	Loại, khoản	Kinh phí
	Tổng số			35.849.948.959
1	Nguồn sự nghiệp giáo dục		071, 072, 085, 073	1.498.711.197
2	Nguồn KTTC (Đội quản lý công trình đô thị)	619	312	2.125.170.609
3	Nguồn Sự nghiệp môi trường (Đội quản lý công trình đô thị)	619	261	35.020.574
4	Nguồn sự nghiệp văn hóa (Trung tâm VH TT và Đài TTTH)	625	161	1.417.149.389
5	Nguồn quản lý nhà nước		341,361	2.668.741.849
6	An sinh xã hội			17.371.830.219
	Chưa phân bổ			8.651.000.000
	ĐBXH sau khi tính điều chỉnh giảm			8.720.830.219
7	UBND thị trấn Lộc Ninh			4.813.812.997
	Chi Quản lý nhà nước			252.400.000
	Chi CCTL			4.561.412.997
8	UBND xã Lộc Thuận			1.838.028.829
	Chi Quản lý nhà nước			205.284.000
	Chi CCTL			708.744.829
	Chương trình mục tiêu			924.000.000
9	UBND xã Lộc Thái			4.081.483.296
	Chi sự nghiệp kinh tế			300.000.000
	Chi Quản lý nhà nước			289.902.000
	Chi CCTL			609.581.296
	Chương trình mục tiêu			2.882.000.000